

Họ và tên:.....Lớp:

TIẾNG VIỆT

A. Đọc – hiểu

Đọc thầm văn bản sau

NHỮNG NGÀY GIÁP TẾT

Trời âm lại pha lạnh lạnh. Tết sắp đến. Hôm qua, cơn gió nồm hây hây, chiếc lá ổi cong lên, đốm đỏ gắt, vòng cải phên trắng nở hoa vàng hơn hớn. Ai cũng lo trời nồm, bánh chưng chóng thiu, hoa cấm lọ cũng chóng tàn.

Sớm nay, trời đổ gió mùa đông bắc. Gió thổi se se rung trong cuống thìa là. Trời ren rét thế lại càng ra về Tết...

Bé chạy đến bên nồi bánh chưng đang sôi bên bếp lửa. Máy anh xúm lại đem cỗ tam cúc ra đánh chơi. Đêm nay, mấy anh em sẽ ngủ quanh bên nồi bánh chưng, nằm nghiêng, trông than hồng nổ pháo lép lép trước mặt.

(Theo Tô Hoài)

Dựa vào bài đọc, khoanh vào đáp án đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu:

1. Chiếc lá ổi trong đoạn văn trông như thế nào?

- A. Chiếc lá ổi héo rũ.
- B. Chiếc lá ổi cong lên, đốm đỏ gắt.
- C. Chiếc lá ổi rơi thoáng xuống mặt ao.

2. Những bông hoa cải có màu gì?

- A. màu trắng
- B. màu xanh
- C. màu vàng

3. Tối nay bé sẽ ngủ ở đâu?

- A. Bé sẽ ngủ cùng các anh.
- B. Bé sẽ ngủ ở nhà.
- C. Bé sẽ ngủ bên nồi bánh chưng.

4. Kể tên những món ăn thường có trong ngày Tết ở gia đình em:

.....
.....

B. Luyện tập:

1. Đặt 2 câu nói về hoạt động của em trong mùa xuân.

.....

.....

2. Đặt 1 câu giới thiệu nói về một mùa mà con yêu thích trong năm.

.....

3. Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm có trong câu sau:

Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.

4. Gạch dưới những từ ngữ không phù hợp với mỗi mùa:

- a. Mùa xuân: ẩm áp, rét buốt, cây cối đâm chồi nảy lộc, mưa xuân.
- b. Mùa hạ: oi ả, oi bức, oi nồng, gió heo may, nắng chói chang.
- c. Mùa thu: nóng nực, se se lạnh, gió heo may, mát mẻ.
- d. Mùa đông: lạnh giá, rét mướt, rét căm căm, gió bắc, nắng ấm.

5. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào ô trống:

Mùa xuân bắt đầu từ tháng giêng đến tháng ba ☐ Thời tiết rất ẩm áp ☐ Mặt trời chiếu những tia nắng dịu dàng làm cho cây cối đâm chồi nảy lộc ☐ Mùa xuân có bao nhiêu là hoa đẹp như hoa hồng ☐ hoa đào ☐ hoa mai ☐ Em rất thích mùa xuân ☐

6. Điền vào chỗ trống :

a. r/d/gi?

- cáiỏ;á sách; cáiá;ừng núi; xeừng lại,á đồ

b. ngh/ng?

-iên cứu,ẹn ngào,ao ngán,oắn ngoèo,ịch ngợm,iêm trang.